

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

Năm 2022

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4800129232
- Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 80.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Phố Kim Đồng - Phường Hợp Giang - TP Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng
- Số điện thoại: 0263 505 505
- Số fax: 0263 852 579
- Website: <http://cmamc.com.vn>
- Mã cổ phiếu: KCB

* *Quá trình hình thành và phát triển:* Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

- Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được thành lập theo Quyết định số 3412/QĐ-BCN ngày 14/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp trên cơ sở chuyển đổi Công ty Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng thành Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

- Ngày 01/7/2006, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4800129232 được cấp bởi Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 01/07/2006 với vốn điều lệ là 42 tỷ đồng và cấp thay đổi thứ 05 ngày 16/10/2012 với vốn điều lệ 80 tỷ đồng, Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối 51,89%.

- Ngày 16/12/2010, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu với tổng số cổ phần lưu ký là 8.000.000 cổ phần.

- Năm 2012, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng chính thức được Ủy ban chứng khoán Nhà nước đưa vào danh sách công ty đại chúng.

- Ngày 01/12/2015, cổ phiếu của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao chính thức niêm yết trên sàn giao dịch UpCOM.

* *Các sự kiện khác:* Không có.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

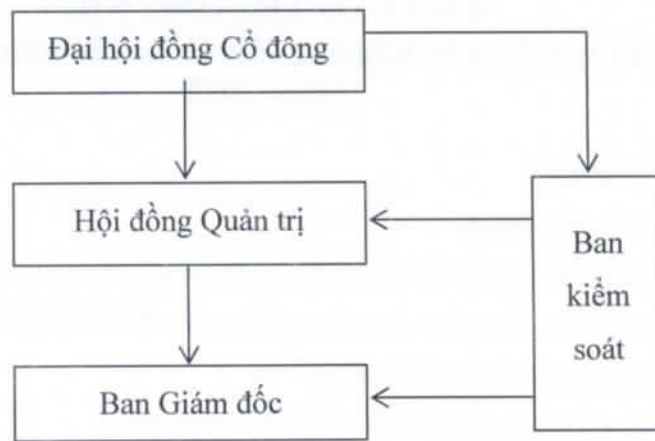
* *Ngành nghề kinh doanh:* Khảo sát thăm dò địa chất các loại khoáng sản; Khai thác tuyển luyện gia công chế biến kinh doanh khoáng sản; Công trình kỹ thuật dân dụng phát dẫn truyền tải điện năng.

* *Địa bàn kinh doanh:* (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

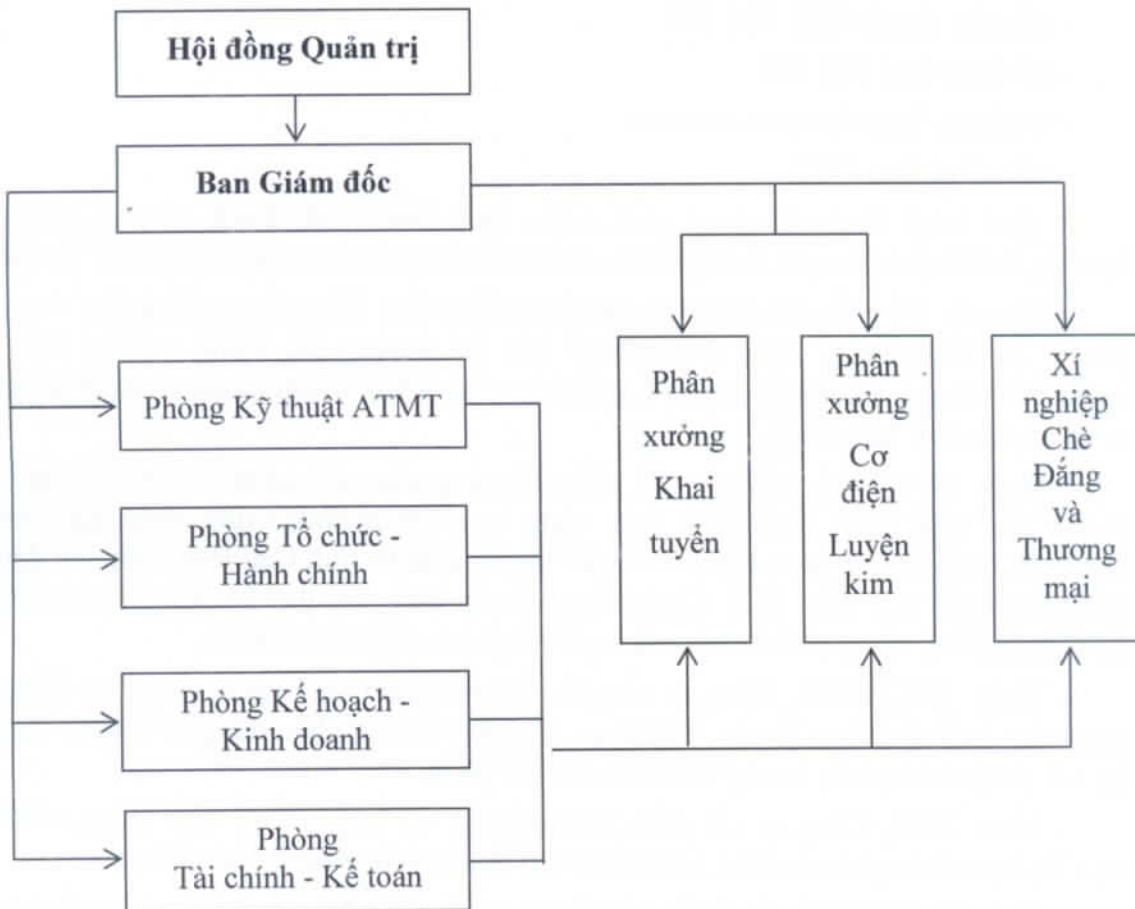
- Thị trấn Tĩnh Túc - Huyện Nguyên Bình - Tỉnh Cao Bằng

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: theo Luật doanh nghiệp



- Cơ cấu bộ máy quản lý



- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết): Không có.

4. Định hướng phát triển

* Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2023:

- Doanh thu: 108.315 triệu đồng;

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển tài nguyên, trọng tâm là đánh giá phần tài nguyên trữ lượng còn lại sau khi kết thúc khai thác khu Tây (năm 2026) và Thập Lục Phần (năm 2025) để tiếp tục gia hạn 02 mỏ này sau khi kết thúc thời hạn của giấy phép và xin cấp Giấy phép Dự án Nậm Kép. Ngoài ra làm việc cùng Sở ngành để đưa bờ Nam khu Tây vào quy hoạch và lập phương án đánh giá tài nguyên trữ lượng để có kế hoạch xin cấp phép thăm dò, khai thác tại khu vực này.

* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tăng cường công tác quản trị chi phí nhằm giảm chi phí sản xuất đến mức thấp nhất.
- Quan tâm đào tạo phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất của Công ty.
- Đầu tư đổi mới công nghệ khai thác và chế biến khoáng sản.
- Sắp xếp lại lao động phù hợp với công nghệ và tổ chức sản xuất.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.
- Đảm bảo an toàn môi trường, an sinh xã hội.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường):

- Thiên tai: lũ lụt, nắng hạn kéo dài.
- Thay đổi chính sách của Nhà nước.
- Biến động giá cả thị trường, nguyên nhiên vật liệu tăng cao.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2022:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch		Tỷ lệ (%)	
				Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	122.305	121.255	108.315	100,8	112,9
2	Lợi nhuận	Tr.đ	12.574	16.088	20.606	78,1	61,0
3	Các sản phẩm sản xuất						
3.1	Thiếc thời 99,75% Sn	Tấn	150,87	139	140	108,5	107,7
3.2	Vàng cám	Kg	2,129	2,5	2	85,1	106,4
3.3	FerôSilic 45	Tấn	848	720	720	117,8	117,8

- Thiếc thời 99,75%Sn tinh luyện: Đạt 150,87/139 tấn bằng 108,5% KH và bằng 116% so với cùng kỳ năm 2021.

- Sản phẩm vàng sa khoáng: Sản xuất đạt 2,129/2,5 kg, bằng 85,16% KH và bằng 85,16% so với cùng kỳ năm 2021.

- Sản xuất Ferro Silic 45: sản xuất đạt 848/720 tấn bằng 117,8% KH và bằng 122,9% so với cùng kỳ năm 2021.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác)

Gồm các ông/bà sau:

- + Ông Trần Văn Chương giữ chức danh Giám đốc Công ty từ 03/01/2020 đến nay.
- + Ông Nguyễn Tiến Hào giữ chức danh Phó giám đốc Công ty từ ngày 01/8/2013 đến nay;
- + Ông Đỗ Hữu Chiêm giữ chức danh Phó giám đốc Công ty từ ngày 06/02/2020 đến nay.
- + Ông Cung Lê Hoàng giữ chức danh Kế toán trưởng Công ty từ ngày 15/9/2021 đến nay.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

+ Lao động đầu kỳ: 175 người; hết ngày 31/12/2022: 175 người;

+ Lao động sử dụng bình quân: 172 người.

CBCNV trong Công ty đều được đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ và hưởng các quyền lợi theo Luật lao động. Ngoài ra còn được hưởng các quyền lợi khác theo quy chế của Công ty, Tổng công ty Khoáng sản - TKV, Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án (Năm 2022)

a) Các khoản đầu tư lớn:

Công ty đã hoàn thiện đầu tư 02 xe Howo thuộc hạng mục duy trì sản xuất với giá trị 3.088,8 tỷ đồng.

Trong năm Công ty đã thực hiện việc nộp hồ sơ xin cấp chủ trương đầu tư khai thác mỏ thiếc Nậm Kép tại thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình. Trên cơ sở ý kiến thẩm định đánh giá của các sở ban ngành tỉnh, Công ty đã 02 lần báo cáo giải trình và làm rõ các vấn đề liên quan. Tuy nhiên, vẫn còn những ý kiến trái chiều về dự án cần làm rõ như: Dự án chiếm dụng đất lúa lớn (32ha chiếm 46% diện tích đất lúa của thị trấn); Nguy cơ sụt lún ảnh hưởng đến các công trình của địa phương và người dân; Ảnh hưởng đến việc thẩm định và hoạt động của Công viên địa chất toàn cầu; v.v... Hiện nay, Công ty đang phối hợp với đơn vị tư vấn lập dự án trên quy mô phù hợp hơn và làm rõ các vấn đề trên. Trong năm 2023 Công ty sẽ báo cáo và xin ý kiến Tổng công ty về dự án này trước khi trình Sở ban ngành xin chủ trương đầu tư khai thác.

- Song song đó, tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển tài nguyên, trọng tâm là đánh giá phân tài nguyên trữ lượng còn lại sau khi kết thúc khai thác khu Tây (năm 2026) và Thập Lục Phần (năm 2025) để tiếp tục gia hạn 02 mỏ này sau khi kết thúc thời hạn của giấy phép. Ngoài ra làm việc cùng Sở ngành để đưa bờ Nam khu Tây vào quy hoạch và lập phương án đánh giá tài nguyên trữ lượng để có kế hoạch xin cấp phép thăm dò, khai thác tại khu vực này.

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết). Không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	109.622	118.468	
Doanh thu thuần	123.690	121.186	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	19.344	12.460	
Lợi nhuận khác	-770	114	
Lợi nhuận trước thuế	18.574	12.574	
Lợi nhuận sau thuế	18.574	11.021	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

- Các chỉ tiêu khác: không có

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: <u>Tài sản ngắn hạn</u> Nợ ngắn hạn	3,16	3,62	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	2,85	3,08	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,22	0,20	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,31	0,29	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	5,64	7,29	
<u>Doanh thu thuần</u> Tổng tài sản	1,12	1,02	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,15	0,09	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,23	0,13	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,16	0,09	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,15	0,10	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần: 8.000.000 cổ phần;

Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông;

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 8.000.000 cổ phần.

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật: Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Cao Bằng được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4800129232 ngày 01/07/2006. Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, cổ phần của cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 3 năm kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. Theo đó, đến thời điểm hiện tại, số lượng cổ phiếu do cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần Khoáng sản Luyện kim Cao Bằng nắm giữ đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông tính đến 04/4/2022	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên)	2	5.313.726	66,42
1.1	Cổ đông Nhà nước	1	4.150.869	51,89
1.2	Cổ đông cá nhân trong nước	1	1.162.857	14,53

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông tính đến 04/4/2022	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
2	Cổ đông nhỏ (nắm giữ dưới 5% vốn cổ phần)	1.083	2.686.274	33,58
2.1	Cổ đông tổ chức trong nước	2	165.716	2,07
2.2	Cổ đông cá nhân trong nước	1.079	2.519.858	31,49
2.3	Cổ đông cá nhân nước ngoài	2	700	0,008
Tổng cộng		1.085	8.000.000	100

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* (Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v...): Không có.

d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* (Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch): Không có.

e) *Các chứng khoán khác:* (Nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty liên quan đến việc phát hành chứng khoán): Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) *Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.*

- Sản phẩm chính:
- + Thiếc thỏi 99,75%Sn: 150,87 tấn;
- + Fero Silic: 848 tấn.
- Nguyên liệu chính:
- + Quặng thiếc 70%: 215,62 tấn;
- + Quặng sắt: 748 tấn;
- + Quặng quắc zít: 1021 tấn.

b) *Báo cáo tỉ lệ phân trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.*

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) *Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.*

- Nhiên liệu, than cốc các loại: 620 tấn.

b) *Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:* Không có.

c) *Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này:* Không có.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

- Nguồn cung cấp nước: Nước suối Cami, Cao Sơn - Nguyên Bình - Cao Bằng.

- Nước lưu hồi từ hệ thống các ao lắng tuyển.

- Lượng nước sử dụng dùng cho tuyển rửa đất quặng: 1.077.480 m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

- Lượng nước lưu hồi, tái sử dụng chiếm 90%: 969.732 m³.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động: 175 người.

- Mức lương trung bình: 11,63 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Người lao động có chế độ ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại, khám sức khỏe định kỳ.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Số giờ đào tạo trung bình 8h/người/năm.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Các chương trình đào tạo: Tập huấn công tác nghiệp vụ, công tác an toàn môi trường; bồi dưỡng kèm cặp nâng bậc...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Các loại quỹ Công ty đã tham gia ủng hộ trong năm 2022:

+ Tặng quà các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn: 10.000.000 đồng.

+ Hỗ trợ Hội thi rung chuông vàng trường mầm non Tĩnh Túc: 6.000.000 đồng.

+ Kinh phí hoạt động Khỏi thi đua các doanh nghiệp TW: 5.000.000 đồng.

+ Ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa thị trấn Tĩnh Túc: 5.000.000 đồng.

+ Hỗ trợ hoạt động phong trào thị trấn Tĩnh Túc tổ chức Lễ kỷ niệm 67 năm Bác Hồ về thăm mô thiếc Tĩnh Túc: 30.000.000 đồng.

+ Ủng hộ kinh phí biên soạn cuốn lịch sử Đảng bộ thị trấn Tĩnh Túc: 50.000.000 đồng.

+ Ủng hộ quỹ người nghèo thị trấn Tĩnh Túc: 10.000.000 đồng.

+ Ủng hộ quỹ người nghèo tỉnh Cao Bằng: 10.000.000 đồng.

+ Ủng hộ quỹ khuyến học trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông thị trấn Tĩnh Túc: 22.000.000 đồng.

+ Ngoài ra còn ủng hộ các Tổ dân phố: Tổ 4 thị trấn Tĩnh Túc nhân dịp ngày Hội đại đoàn kết dân tộc 18/11/2022: 5.000.000 đồng; Tổ 2 thị trấn Tĩnh Túc, Nguyên Bình, Cao Bằng, nhân dịp ngày Hội đại đoàn kết dân tộc 18/11/2022: 1.000.000 đồng.

+ Ủng hộ ngày nhà giáo Việt Nam 20/11/2022 do UBND thị trấn Tĩnh Túc và Trường PTTH Tĩnh Túc: 3.000.000 đồng.

- Tổng số tiền ủng hộ là: 157.000.000 đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Lưu ý: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Chi tiết về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại mục 1 phần 2 của báo cáo này.

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022:

** Đối với công tác khai thác mỏ:*

Đất đá thải chứa quặng thiếc thực hiện đạt: 1.077.480/1.098.490 tấn bằng 98,09% KH năm 2022 trong đó: khai thác tận thu tại bãi thải Thập Lục Phần đất đá thải chứa quặng thiếc thực hiện đạt: 433.056/450.000 tấn bằng 96,23% KH năm 2022; khai thác tận thu tại bãi thải khu Tây mỏ thiếc Tĩnh Túc đạt: 644.424/648.490 tấn bằng 99,37% KH năm 2022. Công ty đã thường xuyên kiểm tra mẫu hàm lượng công trường, xác định đất đá thải chứa quặng đảm bảo hiệu quả kinh tế đưa về tuyển rửa, giảm giá thành sản xuất và mở rộng được diện khai thác.

Khối lượng đất đá bóc sản xuất thực hiện: 208.078/278.465 m³ bằng 74,72% KH năm 2022.

Cung độ vận chuyển đất đá bóc: 0,35/0,46 TKm bằng 77,04% KH năm 2022;

Cung độ vận chuyển đất đá thải chứa quặng thiếc: 0,41/0,62 TKm bằng 66,23% KH năm 2022. Trong đó cung độ vận chuyển đất đá thải lẫn quặng tại bãi thải khu Tây: 0,51/0,67 TKm bằng 76,28% KH năm 2022; cung độ vận chuyển đất đá thải lẫn quặng tại bãi thải Thập Lục Phần: 0,26/0,55 Tkm bằng 47,99% KH năm 2022.

** Đối với công tác Tuyển khoáng:*

Công ty đã duy trì 06 hệ tuyển hoạt động ổn định tại 02 khu vực: Thập Lục Phần và khu Tây với tổng khối lượng đất đá thải chứa quặng thiếc vào tuyển: 1.077.480/1.098.490 tấn (HL 0,017%Sn) bằng 98,09%KH năm 2022, đạt yêu cầu cả về khối lượng và chất lượng sản phẩm cũng như các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật theo kế hoạch.

** Đối với công tác luyện kim:*

a. Sản xuất thiếc thỏi 99,75%Sn: Công ty tiếp tục duy trì thuê luyện ngoài, nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu tài chính cho sản xuất. Kết quả thuê luyện năm 2022 được 05 đợt, sản lượng đạt được: 149,6199 tấn thiếc thỏi 99,75%Sn. Sản lượng còn lại: 1,25 tấn được chuyển từ năm 2021 sang. Tổng khối lượng thiếc thỏi năm 2022 đạt: 150,8699 tấn.

b. Sản xuất Fero Silic 45%: Năm 2022 sản lượng Fero Silic 45% đạt 848/720 tấn bằng 117,78% KH năm 2022.

** Đối với công tác cơ điện:*

- Thiết bị bốc xúc, vận tải chủ yếu huy động tập trung cho sản xuất tận thu tại bãi thải Khu Tây. Tổng khối lượng xúc bốc mỏ tự thực hiện trong năm 2022 là: 875.685 m³/857.320m³ bằng 102,14% KH năm 2022.

- Thiết bị vận tải năm 2022 huy động được thường xuyên 04/05 xe, duy trì 01 xe để dự phòng. Từ tháng 4 bổ sung thêm 02 xe tải Howo, vì vậy đã thường xuyên huy động được 06/07 xe vận chuyển.

Khối lượng vận tải năm 2022 tự làm đạt: 873.903Tkm/998.920Tkm, bằng 87,47% KH năm 2022.

Giờ hoạt động của thiết bị của xe vận tải đạt 11.823 giờ. Năng suất bình quân đạt 74,5 Tkm/h.

- Thiết bị san gạt huy động 01 máy; thời gian huy động đạt 2.568 giờ. Năng suất bình quân đạt 152,04 m³/h.

Khối lượng tự san gạt: 390.444m³/527.360m³ bằng 74,04% KH năm 2022.

** Đối với công tác phát dẫn điện năng:*

Điện năng phát dẫn năm ổn định, đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất của Công ty. Sản lượng điện thương phẩm năm 2022 đạt: 7,936 triệu Kwh bằng 114% KHN.

** Công tác An toàn - Môi trường:*

Trong năm 2022, Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật, các công văn chỉ đạo, chỉ thị của Tập đoàn, Tổng công ty về ATVSLĐ tại cơ sở. Phối hợp cùng các đơn vị trực thuộc xây dựng phương án PCTT-TKCN năm 2022, thành lập và phân công nhiệm vụ Ban chỉ huy PCTT-TKCN; chuẩn bị các nội dung ứng phó với điều kiện thời tiết biến đổi thất thường trong mùa mưa năm 2022.

Đối với công tác BVMT: Công ty đã chủ động thực hiện phân loại, thu gom bảo quản CTNH theo đúng quy định; hoàn thiện hồ sơ thủ tục pháp lý về môi trường tại các dự án đã được cấp phép; thực hiện trồng cây xanh tạo cảnh quan với tiêu chí “Sáng – Xanh – Sạch” tại các đơn vị trong toàn Công ty.

Trong năm 2022, Công ty không để xảy ra các vụ tai nạn lao động cũng như các sự cố về bảo vệ môi trường.

** Công tác lao động tiền lương:*

Trong năm 2022 lao động trong toàn Công ty 175 người. Trong quá trình thực hiện Công ty luôn luôn đảm bảo làm đúng các quy định của Nhà nước; Bố trí đủ việc làm ổn định cho 175 cán bộ CNVC, LĐ.

Trong năm đã tiếp tục rà soát hoàn thiện phương án trả lương và các cơ chế khuyến khích hợp lý để nâng cao năng suất lao động. Tiền lương bình quân năm đạt 11.630.000đồng/người/tháng. Các chế độ chính sách cho người lao động đảm bảo theo đúng quy định: BHXH, BHYT, BHTN, tiền ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại...

2. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022	Năm 2021	Chênh lệch
1	2	3	3	5=3-4
A- Tình hình tài chính				
I- Tài sản ngắn hạn	100 - BCĐKT	83.050	73.498	
1-Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	23.506	15.801	

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022	Năm 2021	Chênh lệch
1	2	3	3	5=3-4
2- Các khoản phải thu ngắn hạn	130 - BCĐKT	37.136	40.192	
3- Hàng tồn kho	140 - BCĐKT	12.393	7.295	
4- Tài sản ngắn hạn khác	150 - BCĐKT	13	208	
II- Tài sản dài hạn	200 - BCĐKT	35.419	36.123	
1- Các khoản phải thu dài hạn	210 - BCĐKT	2.099	1.130	
2- Tài sản cố định	220 - BCĐKT	20.612	22.390	
- Nguyên giá	222+225+228 - BCĐKT	192.808	204.709	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223+226+229 - BCĐKT	(172.196)	(182.431)	
3-Tài sản dở dang-dài hạn	240 - BCĐKT	6.786	7.289	
4- Đầu tư tài chính dài hạn	250 - BCĐKT			
5- Tài sản dài hạn khác	260 - BCĐKT	5.921	5.313	
III- Nợ phải trả	300 - BCĐKT	23.464	24.898	
1- Nợ ngắn hạn	310 - BCĐKT	22.856	23.220	
- Phải trả cho người bán ngắn hạn	311-BCĐKT	6.560	6.447	
- Người mua trả tiền trước	312-BCĐKT			
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313-BCĐKT	5.136	3.266	
- Phải trả người lao động	314-BCĐKT	5.682	6.089	
- Chi phí phải trả ngắn hạn	315-BCĐKT	30	29	
- Phải trả ngắn hạn khác	319-BCĐKT	1.780	768	
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320-BCĐKT	1.100	2.050	
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322-BCĐKT	2.565	2.847	
2- Nợ dài hạn	330 - BCĐKT	608	1.678	
- Phải trả dài hạn khác	337 - BCĐKT	58	28	
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338 - BCĐKT	550	1.650	
IV- Vốn chủ sở hữu	400 - BCĐKT	95.004	84.723	
1- Vốn góp của chủ sở hữu	411 - BCĐKT	80.000	80.000	
Trong đó: Vốn góp của nhà nước		80.000	41.508	

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022	Năm 2021	Chênh lệch
1	2	3	3	5=3-4
2 - Quỹ đầu tư phát triển	418- BCĐKT	5.555	5.555	
3- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420 - BCĐKT	779	780	
4 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421 - BCĐKT	1.759	(9.262)	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a -BCĐKT	(9.262)	(27.837)	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b -BCĐKT	11.021	18.575	
5- Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433 - BCĐKT	6.910	7.651	
B/ Kết quả kinh doanh				
1- Tổng doanh thu	01+21+31- BCKQKD	122.305	125.475	
Trong đó: Doanh thu bán hàng		121.186	123.690	
Doanh thu hoạt động tài chính		864	1.767	
Thu nhập khác		255	18	
2- Tổng lãi (+), lỗ (-) .	50- BCKQKD	12.574	18.574	
3- Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	60 - BCKQKD	11.021	18.574	
4- Tổng phải nộp ngân sách		19.458	17.440	
C/ Các chỉ tiêu đánh giá khác .				
1- Tỷ suất lợi nhuận / doanh thu.		1,10	0,14	
2- Lợi nhuận / Vốn đầu tư của chủ sở hữu	%	0,15	0,23	
3- Tổng nợ phải trả / Vốn đầu tư của chủ sở hữu	%	0,29	0,31	
4- Khả năng thanh toán (Tổng TS/NPT)	lần	5,04	2,95	
5 - Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn(TSNH/NNH)	lần	3,53	3,2	
6 - Khả năng thanh toán nhanh(TSNH-HTK)/NNH	lần	3,08	2,9	
7 - Tài sản ngắn hạn / tổng tài sản	%	70%	67%	
8 - Tài sản dài hạn / tổng tài sản	%	30%	33%	

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đã triển khai xây dựng lại mô hình tổ chức sản xuất từ các tổ đội, phòng ban và định biên lại lao động để nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí và nâng cao lương, thu nhập cho người lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Mục tiêu xây dựng môi trường sản xuất kinh doanh của Công ty với khẩu hiệu "Bền vững – Năng động – Phát triển".

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

Công ty đã triển khai thực hiện công tác bảo vệ môi trường thường xuyên năm 2022, cụ thể như sau:

- Công tác quan trắc môi trường định kỳ: Phối hợp với Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật môi trường, Trung tâm quan trắc và dữ liệu tinh thực hiện quan trắc giám sát theo tần suất 4 lần/năm đối với mẫu nước thải, 2 lần/năm đối với mẫu môi trường xung quanh. Các chỉ tiêu phân tích chất lượng môi trường đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải, khí thải.

- Thu gom xử lý chất thải nguy hại: Được thu gom và bảo quản tại các kho lưu chứa CTNH theo đúng quy định.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

- Công ty thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật, trang bị phương tiện bảo hộ cá nhân đầy đủ cho người lao động; Định kỳ hàng năm tổ chức các đợt khám, phân loại sức khỏe, BNN từ đó bố trí, sắp xếp việc làm hợp lý cho người lao động ...

- Tổ chức công tác huấn luyện ATVSLĐ định kỳ cho 117 người. Tiến hành đo, kiểm tra môi trường lao động tại các vị trí sản xuất.

- Trong năm Công ty không để xảy ra vụ TNLĐ nào.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

- Thực hiện giám sát chất lượng môi trường thường xuyên theo Giấy phép bảo vệ môi trường, cam kết bảo vệ môi trường của Công ty. Kiểm soát không để phát tán chất thải gây ảnh hưởng xấu tới môi trường sống của cộng đồng dân cư.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Đánh giá chung kết quả hoạt động năm 2022, HĐQT ghi nhận sự nỗ lực của Công ty trong bối cảnh chung của nền kinh tế và sự cạn kiệt tài nguyên hiện nay. Ban điều hành Công ty đã trực tiếp bám sát hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ được phân công. Kết quả năm 2022 đã hoàn thành tốt kế hoạch đặt ra, sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban Giám đốc Công ty đã trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ được phân công.

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022
Tổng doanh thu	Triệu đồng	121.255	122.305
Tổng lợi nhuận	Triệu đồng	16.088	12.574
Tổng quỹ tiền lương	Triệu đồng	22,957	24
Lao động sử dụng bình quân	Người/năm	175	172
Tiền lương bình quân	Trđ/người/tháng	10,9	11,63

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2023, nhận định tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn đang trong giai đoạn khó khăn, Công ty cần phải triển khai quyết liệt các giải pháp tiết kiệm vật tư, tiết giảm các chi phí, phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm đem lại hiệu quả cao nhất trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Trên cơ sở đó Hội đồng quản trị Công ty xác định các định hướng hoạt động cho năm 2023 với các nhiệm vụ cơ bản sau:

1. Tập trung chỉ đạo, giám sát công tác triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2023. Điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp để thực hiện được các nội dung mà Đại hội thường niên đề ra. Tích cực hỗ trợ Ban giám đốc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

2. Tiếp tục chỉ đạo Ban Giám đốc đẩy mạnh công tác phát triển tài nguyên, trọng tâm là đánh giá phần tài nguyên trữ lượng còn lại sau khi kết thúc khai thác khu Tây (năm 2026) và Thập Lục Phần (năm 2025) để tiếp tục gia hạn 02 mỏ này sau khi kết thúc thời hạn của giấy phép và xin cấp Giấy phép Dự án Nậm Kép. Ngoài ra làm việc cùng Sở ngành để đưa bờ Nam khu Tây vào quy hoạch và lập phương án đánh giá tài nguyên trữ lượng để có kế hoạch xin cấp phép thăm dò, khai thác tại khu vực này.

3. Chỉ đạo Ban giám đốc tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác tái cơ cấu lao động; công tác quản lý kỹ thuật cơ bản; công tác Đầu tư; công tác chăm lo xây dựng đội ngũ, phát triển nguồn nhân lực; công tác áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.

4. Chỉ đạo Ban Giám đốc quan tâm, sát sao trong công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình. Phát huy các mặt đã làm được và kịp thời khắc phục các mặt yếu kém chưa làm được. Rà soát, sửa đổi và ban hành các quy chế nội bộ theo thẩm quyền.

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty có 05 thành viên, gồm các ông/bà sau:

- Ông Lý Xuân Tuyên – Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản – TKV Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty; đại diện quản lý phần vốn nhà nước của VIMICO tại Công ty, chiếm tỷ lệ 51,89% cổ phần có quyền biểu quyết; (được bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 26/4/2022, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022).

- Ông Trần Văn Chương – Giám đốc Công ty, Thành viên HĐQT; (được bầu giữ chức vụ TV HĐQT từ ngày 26/4/2022, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022).

- Ông Đặng Văn Lâm – Trưởng phòng kinh doanh - Tổng công ty Khoáng sản – TKV, Thành viên HĐQT Công ty; (được bầu giữ chức vụ TV HĐQT từ ngày 26/4/2022, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022).

- Ông Hà Ngọc Bình, Thành viên HĐQT Công ty; đại diện 14,53% số cổ phần có quyền biểu quyết; (được bầu giữ chức vụ TV HĐQT từ ngày 26/4/2022, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022).

- Ông Đỗ Hữu Chiêm – Phó Giám đốc Công ty, Thành viên HĐQT; (được bầu giữ chức vụ TV HĐQT từ ngày 26/4/2022, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022).

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Trong năm 2022, HĐQT tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên, tổ chức 03 phiên họp và 02 lần lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 06 Nghị quyết để chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ và giám sát thực hiện công tác điều hành sản xuất kinh doanh của công ty. Các cuộc họp của HĐQT được các thành viên tham gia đầy đủ, đưa ra các nghị quyết và quyết định phù hợp với điều lệ, phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty:

Các nội dung quan trọng Hội đồng quản trị đã thông qua trong năm 2022 như sau:

- Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
- Nghị quyết đề cử nhân sự bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2022-2027;
- Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2022;
- Nghị quyết về việc bầu chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027;
- Nghị quyết về việc phê duyệt thanh lý tài sản cố định.
- Nghị quyết về việc bổ nhiệm cán bộ chức danh Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

Ban kiểm soát (BKS) Công ty có 03 thành viên, gồm các ông/bà sau:

- Ông Nguyễn Thanh Long - Phó phòng Tài chính - Kế toán Tổng công ty Khoáng sản - TKV - Trưởng BKS Công ty;
- Ông Đặng Giang Nam – Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty - Thành viên BKS;
- Ông Đàm Nông Minh – Phó phòng Tổ chức hành chính Công ty - Thành viên BKS.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên, trong đó có 01 Trưởng ban và 02 thành viên vừa trực tiếp tham gia quản lý, vừa thực hiện vai trò kiểm soát tại Công ty theo từng lĩnh vực gắn với công tác quản lý, điều hành của HĐQT và hoạt động sản xuất kinh

doanh của Công ty. Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã thay mặt cổ đông thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể như sau:

- Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty;

- Đại diện Ban kiểm soát tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc.

- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập: Kiểm tra các Báo cáo tài chính quý năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán đến Báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.

- Thực hiện công việc giám sát, kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật, phân phối tiền lương cho người lao động.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2022 (VND)
2	Ông Lý Xuân Tuyên	Chủ tịch HĐQT	57.600.000
2	Ông Đặng Văn Lâm	Thành viên HĐQT	50.400.000
3	Ông Trần Văn Chương	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty	415.234.000
4	Ông Hà Ngọc Bình	Thành viên HĐQT	50.400.000
5	Ông Đỗ Hữu Chiêm	Thành viên HĐQT	361.370.000
6	Ông Nguyễn Thanh Long	Trưởng BKS	50.400.000
7	Ông Đặng Giang Nam	Thành viên BKS	45.600.000
8	Ông Đàm Nông Minh	Thành viên BKS	45.600.000
9	Ông Nguyễn Tiến Hào	Phó Giám đốc	310.970.000
10	Ông Cung Lê Hoàng	Kế toán trưởng	273.600.000
	Cộng		1.661.174.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên

Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty): Công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

Báo cáo tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán).

Địa chỉ công bố Báo cáo tài chính đăng trên Website: <http://cmamc.com>.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Chương